| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUỲ HỢP**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2021/HNGĐ - ST
Ngày 27/7/2021
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Quán Vi Tuấn
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Đình Thuận.
2. Bà Nguyễn Thị Hường.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Văn Vận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2021/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị N**, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Thị N trình bày:

Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 18 tháng 7 năm 2018, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh Thái không quan tâm đến vợ con, anh T đi làm công nhân ở tại công ty và không liên lạc với chị. Ngoài ra, giữa chị và gia đình chồng cũng phát sinh một số mâu thuẫn. Nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc nên chị đã về nhà ngoại ở xóm C, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An sinh sống từ tháng 01/2020 đến nay. Trong quá trình sống ly thân, chị

nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau để hàn gắn đoàn tụ nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị và anh Nguyễn Hồng T có một người con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 20/9/2018. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T thừa nhận anh và chị Trương Thị N đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung vợ chồng có một số mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình không phù hợp. Anh T làm công nhân ở trang trại chăn nuôi lợn nên vài tháng anh mới được về nhà một đợt. Ngoài ra, giữa chị N có mâu thuẫn với mẹ và em gái của anh nên từ tháng 01/2020, chị N bỏ về nhà ngoại ở xóm C, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An sinh sống đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với vợ và có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị Trương Thị N có một người con chung họ tên là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 20/9/2018. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nhường cho chị N nuôi con, và anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị N số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, hai bên không có tranh chấp gì nên anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng  dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 20/9/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Trương Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị N có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hồng T, không yêu cầu giải quyết về con và tài sản chung của vợ chồng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ kiện thì anh T vắng mặt tại các phiên toà không có lý do, do đó cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hồng T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, dẫn đến ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn không hòa giải đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị N xin ly hôn thì anh Nguyễn Hồng T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T cũng không có phương pháp nào để vợ chồng đoàn tụ mà anh đi làm và vắng mặt tại phiên hòa giải và các phiên tòa. Tại phiên tòa, chị Trương Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với anh Nguyễn Hồng T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N giải quyết cho chị Trương Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

[3] Về con chung: Ly hôn, chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 20/9/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Sự thỏa thuận anh chị là do hai bên hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81; 82 và 83; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hồng T.

- **Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận của chị Trương Thị N và anh Nguyễn Hồng T giao con chung Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 20/9/2018 cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Hồng T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về án phí**: Chị Trương Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001853 ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Anh Nguyễn Hồng T chịu án phí cấp dưỡng 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị Trương Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi anh Nguyễn Hồng T thi hành án xong, anh Thái còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/7/2021. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Quán Vi Tuấn**